TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 30/2018/HS-PT Ngày: 06/4/2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với tHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thủy**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Huy Hiểu.**

Ông **Nguyễn Văn Chất.**

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn** - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C) do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Lê Văn T (Tên gọi khác: Lê Văn C) - sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12;

Con ông Lê Văn H1 và bà Vũ Thị H.

Tiền án, tiền sự: không; chưa có vợ.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/7/2017 tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương đến nay. *Có mặt.*

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

1. Người bị hại*:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 2000.

Trú tại: Đội 17, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

2. Ng□ời bảo vệ quyền lợi cho ng□ời bị hại:

Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà n- ớc tỉnh Hải D- ơng.

3. Ng□ời đại diện hợp pháp của ng□ời bị hại:

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1974.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Đều trú tại: Đội 17, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

4. Ng□ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị Ơ, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Văn H2, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn Q, xã L, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 10/6/2017, anh K và H có xảy ra ra mâu thuẫn trong quá trình làm việc. Sau đó H thấy anh K nói chuyện chuyện với anh Q, sinh năm 1998 là tổ trưởng tổ 2, H cho rằng anh K gọi người đánh mình nên H đã nói với Vũ Văn X ở cùng thôn (là công nhân ở tổ 1) có người định đánh mình. X hỏi "bọn nào", H nói "bọn thằng Q". H mượn điện thoại của X để gọi điện cho Lê Văn T nhưng không gọi được. H bảo X gọi điện cho Phan Năng Y đến giúp. X lấy điện thoại Samsung màu vàng có số máy là 01694.645.695 của mình gọi điện bảo Y "có mấy thằng định đánh H, anh xuống xem thế nào", Y nhất trí. H tiếp tục sử dụng điện thoại Iphone màu trắng bạc có số máy là 0978.508.700 của mình gọi điện cho một số người khác để liên lạc với T. Sau khi nghe thông tin H bị dọa đánh, T đã mượn điện thoại gọi lại cho H hỏi địa chỉ công ty nơi H làm việc để đến giúp H. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Y và T đến quán nước trước cổng công ty V ngồi đợi H. Hết giờ làm việc, anh K đi bộ ra quán nước trước cổng công ty ngồi (quán Y và T đang ngồi), ít phút sau, H đi bộ từ trong công ty ra, tay phải cầm chiếc áo sơ mi đang vắt trên vai vụt vào mặt anh K, anh K bỏ chạy thì bị Y và T giữ lại. H, Y, T dùng tay chân đấm đá vào đầu, mặt, người anh K. Khi H, Y, T đang đánh K thì X đi ra, thấy vậy X cũng vào dùng tay chân đấm đá vào người, mặt, đầu anh K. Anh K được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương từ ngày 10/6/2017 đến ngày 10/7/2017 xuất viện.

Kết luận giám định pháp y thương tích số 3097/C54(TT1) ngày 29/6/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: Các thương tích tại vùng đầu và ngực của Nguyễn Duy K do vật tày gây nên, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 52%.

Kết luận giám định pháp y thương tích số 4066/C54(TT1) ngày 06/9/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát xác định: *tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy K tại thời điểm giám định bổ sung là: 64% (sáu mươi bốn phần trăm)*.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm

2017, TAND huyện M quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác Lê Văn C) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 47 của BLHS đối với bị cáo T (tức C).

Phạt bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C) 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/7/2017.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, bị cáo T (tức C) có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa phúc thẩm*:**

- Bị cáo T (tức C) giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu tại phiên tòa:

Về kháng cáo của bị cáo T (tức C), VKSND đã phân tích các tình tiết của vụ án và xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với T (tức C) mức hình phạt 04 (bốn) năm tù là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T (tức C) xuất trình tài liệu mới thể hiện việc chấp hành quyết định bản án sơ thẩm tuyên trước khi có quyết định thi hành án. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì có thể thấy bị cáo chỉ dùng tay chân tham gia đánh anh K, không phải là người chủ mưu, khởi xướng, tham gia với vai trò thấp nhất trong vụ án. Bên cạnh đó đã tham gia khắc phục hậu quả mình đã gây ra và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của BLTTHS 2015: chấp nhận kháng cáo của bị cáo T (tức C) , sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo T (tức C) ; Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 33; Điều 53; BLHS năm 1999, áp dụng Nghị quyết 41/QH14; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015. Xử phạt T (tức C) 3 năm đến 3 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/7/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh X tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên là kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Do mâu thuẫn cá nhân, khoảng 19 giờ ngày 10/6/2017, tại khu vực trước cổng Công ty TNHH V thuộc thôn K, xã S, huyện M, tỉnh Hải Dương; Lê Văn T đã cùng Phạm Văn H, Vũ Văn X và Phan Năng Y dùng tay, chân: đấm, đá nhiều nhát vào đầu, người anh Nguyễn Duy K, sinh ngày 09/6/2000, nơi đăng ký HKTT: Đội 17, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai làm tổn hại cơ thể cho anh K là 64%. Bị cáo không kháng cáo về tội danh.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy:

Đối với đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T (tức C) với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 04 (bốn) năm tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường đối với người bị hại. Bên cạnh đó người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không tích cực, quyết liệt và khi hành vi của các bị cáo diễn ra bị cáo T đã có hành động can ngăn để các bị cáo khác dừng lại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 04 (bốn) năm tù là cao so với hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã xuất trình biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện việc chấp hành quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên trước khi có quyết định thi hành án bên cạnh đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS nên được áp dụng Điều 47 BLHS do đó cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đồng thời vẫn đảm bảo giáo dục riêng bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung

Về áp dụng điều luật và hình phạt thì căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về việc thi hành Bộ luật Hình Sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho bị cáo thì hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo chỉ phạm vào khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 có khung hình phạt là: *"phạt tù từ 05 năm đến 10 năm"*. Như vậy trường hợp của bị cáo phải được áp dụng khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 nhưng cấp sơ thẩm đã không thực hiện và không áp dụng những điểm có lợi cho bị cáo là có sự thiếu sót ảnh hưởng tới quyền lợi của bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS để sửa

phần hình phạt giảm cho bị cáo một phần để tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo T (tức C) được chấp nhận nên bị cáo T (tức C) không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS; khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; Điều 47 của BLHS năm 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C).

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T (tức Lê Văn C)**, sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C).

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Phạt bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C) 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/7/2017.

2. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Văn T (tức Lê Văn C) không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06/4/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Miện (2 bản);
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Thủy